**CHUYÊN ĐỀ:**

**KỸ NĂNG HÒA GIẢI TRANH CHẤP DÂN SỰ,**

**HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH.**

*BCV: Nguyễn Thị Hoa, Chánh tòa Dân sự-*

*Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn*

**LỜI NÓI ĐẦU**

Tòa án là cơ quan xét xử của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp, giải quyết, xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự; trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ việc dân sự.

Hòa giải là một chế định quan trọng trong tố tụng dân sự. Là hoạt động do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự (viết tắt là VADS). Việc hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí cho Nhà nước và công dân, giảm bớt giai đoạn tố tụng kéo dài, vừa giải quyết triệt để các mâu thuẩn giữa các đương sự… Do đó, nếu chế định hòa giải không được quan tâm trong việc giải quyết VADS thì quyền và lợi ích của các bên đương sự sẽ không được bảo đảm.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về hòa giải trong giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình hiện nay cho thấy vẫn còn có những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ nhiều nguyên nhân đã ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án.

**NỘI DUNG**

**I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM**

**1. Hồ sơ vụ án dân sự:**Là tổng hợp những tài liệu, giấy tờ liên quan đến vụ án dân sự được hình thành trong quá trình giải quyết vụ án và được Tòa án thu thập, sắp xếp theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện, đầy đủ phục vụ cho việc giải quyết vụ án và lưu trữ.

**2. Hòa giải:**Sau khi thụ lý vụ án, để giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật, giúp đỡ các đương sự giải quyết mâu thuẫn, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết các vấn đề của VADS có tranh chấp. Hoạt động này của Tòa án được gọi là hòa giải VADS. Như vậy, Hòa giải vụ án dân sự là hoạt động tố tụng do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án dân sự.

**3. Đương sự:** Đương sự trong vụ việc dân sự là người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc để bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách do có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc dân sự.

**II. QUY ĐỊNH VỀ HÒA GIẢI THEO BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ**

Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) quy định: Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi các yêu cầu của mình hoặc thoả thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Điều 10 BLTTDS quy định: Toà án có trách nhiệm tiến hành hoà giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này.

Tại khoản 1 Điều 205 BLTTDS quy định trách nhiệm hòa giải của Tòa án: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Toà án tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hoà giải hoặc không tiến hành hoà giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này hoặc vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn.

Nguyên tắc tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 205 BLTTDS bao gồm: Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

**1. Những vụ án dân sự không được hòa giải được quy định tại Điều 206 BLTTDS,** bao gồm:

- Đối với yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, Tòa án không tiến hành hòa giải vì tài sản của Nhà nước thuộc sở hữu toàn dân. Bất cứ hành vi nào gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước đều là trái pháp luật và phải chịu trách nhiệm bồi thường. Người gây thiệt hại không có quyền thương lượng hay thỏa thuận với Nhà nước về trách nhiệm bồi thường của mình. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Điều 15 Nghị quyết 05 ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì:

Trường hợp tài sản của Nhà nước được giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang quản lý, sử dụng hoặc đầu tư vào doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước thực hiện quyền sở hữu thông qua cơ quan có thẩm quyền, thì khi có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại đến loại tài sản này, Toà án không được hoà giải để các bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trường hợp tài sản của Nhà nước được Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp nhà nước, góp vốn trong các doanh nghiệp liên doanh có vốn đầu tư của các chủ sở hữu khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà doanh nghiệp được quyền tự chủ chiếm hữu, sử dụng hoặc định đoạt tài sản và chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với tài sản đó trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thì khi có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại đến tài sản đó, Toà án tiến hành hoà giải để các bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án theo thủ tục chung.”

Tức là những trường hợp tài sản của Nhà nước giao cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng mà những đối tượng này có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt thì tòa án vẫn tiến hành hòa giải; còn trường hợp tài sản của Nhà nước giao cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng nhưng Nhà nước thực hiện quyền sở hữu thông qua cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án không được hòa giải.

- Đối với những VADS phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội, theo hướng dẫn tại tiểu mục 2 mục II Nghị quyết 02 /2005/NQ-HĐTP thì tòa án không được hòa giải nếu việc hoà giải nhằm mục đích để các bên tiếp tục thực hiện các giao dịch đó. Trường hợp các bên chỉ có tranh chấp về việc giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu do trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội, thì Toà án vẫn phải tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu đó.

**2. Những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 207 BLTTDS, bao gồm:**

- Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.

- Đương sự không thể tham gia hoà giải được vì có lý do chính đáng.

- Đương sự là vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự.

**III. TRÌNH TỰ THỦ TỤC**

1. **CHUẨN BỊ HÒA GIẢI**

**Bước 1. LẬP, NGHIÊN CỨU HỒ SƠ VỤ ÁN**

**1. Việc lập, nghiên cứu hồ sơ vụ án**

Trong quá trình lập, nghiên cứu hồ sơ vụ án Thẩm phán có trách nhiệm xác định đúng, làm rõ các nội dung sau: Quan hệ pháp luật tranh chấp; Yêu cầu cụ thể của các đương sự; Nguyên nhân phát sinh tranh chấp; Tính chất, mức độ tranh chấp; Vấn đề mấu chốt của tranh chấp; Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, người tham gia tố tụng khác; Quan hệ giữa các đương sự (quan hệ tình cảm, quan hệ làng xóm, láng giềng, quan hệ hợp tác kinh doanh,…); Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của đương sự; Quy định pháp luật là căn cứ pháp lý để giải quyết yêu cầu của đương sự; Các nội dung khác (nếu có).

Để thực hiện những yêu cầu trên đây, tùy từng vụ án mà Thẩm phán phải thực hiện các công việc sau: Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; Tìm hiểu thái độ tâm lý, nhân thân của các đương sự; tiếp xúc, tác động tích cực, phân tích, giải thích đối với từng đương sự về tình tiết vụ án, tài liệu, chứng cứ, các quy định của pháp luật, án lệ, lẽ công bằng để các đương sự nhận thức được tính hợp pháp trong từng yêu cầu của họ, trên cơ sở đó thuyết phục các đương sự hòa giải; Tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức có chuyên môn về lĩnh vực tranh chấp; Tiếp xúc, đề nghị những người có ảnh hưởng, có uy tín hoặc có khả năng vận động, thuyết phục đương sự hỗ trợ cho công tác hòa giải; Tìm hiểu phong tục, tập quán liên quan đến việc giải quyết tranh chấp giữa các đương sự.

**Bước 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HÒA GIẢI**

**1. 2. Xác định nội dung hòa giải**: Những vấn đề các đương sự đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất, còn tranh chấp; Những vấn đề mấu chốt mà nếu tháo gỡ được sẽ tác động trực tiếp đến việc giải quyết tranh chấp giữa các đương sự; Thứ tự ưu tiên các vấn đề cần hòa giải (tùy từng trường hợp mà Thẩm phán có thể tiến hành hòa giải vấn đề có mâu thuẫn lớn trước hoặc vấn đề có mâu thuẫn nhỏ trước); Những yếu tố, điều kiện thuận lợi đối với từng đương sự để đạt đến sự thỏa thuận; Phương án tháo gỡ, giải quyết mâu thuẫn giữa các đương sự.

**3. Tình huống phát sinh và phương án xử lý**: Dự kiến các tình huống phát sinh và phương án xử lý đối với từng vấn đề tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (sau đây gọi tắt là phiên họp) như: Sự vắng mặt của đương sự; yêu cầu mới, yêu cầu sửa đổi, bổ sung của đương sự; các tài liệu, chứng cứ được cung cấp, giao nộp; các tình huống căng thẳng, xung đột, bất hợp tác của đương sự; các vấn đề khác (nếu có).

**4. Thành phần tham gia**: Theo quy định tại Điều 209 BLTTDS, bao gồm: Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải, Thư ký Toà án ghi biên bản hoà giải; Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự; Người phiên dịch, nếu đương sự không biết tiếng Việt. Ngoài ra, đại diện cơ quan quản lý nhà nước; đại diện tổ chức có chuyên môn, chuyên gia về lĩnh vực tranh chấp tham gia phiên họp (nếu cần thiết); Người có uy tín, ảnh hưởng hoặc có khả năng vận động, thuyết phục các đương sự (nếu cần thiết).

**4. Thời gian hòa giải**: Căn cứ vào tính chất, mức độ tranh chấp, điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự để lựa chọn thời điểm, thời gian hòa giải thích hợp đối với từng vụ án để đạt được hiệu quả hòa giải cao nhất.

**Bước 3. CHUẨN BỊ PHÒNG HÒA GIẢI**

**1. Bố trí phòng hòa giải** chuyên dụng hoặc phòng họp khác phù hợp với số lượng người tham gia hòa giải;

**2. Sắp xếp vị trí chỗ ngồi** của Thẩm phán, Thư ký, các đương sự hợp lý, tạo không khí thân thiện, cởi mở: Bàn hình vuông hoặc hình chữ nhật; Thẩm phán, Thư ký ngồi cạnh nhau; phía bên phải Thẩm phán, Thư ký là chỗ ngồi của nguyên đơn; phía bên trái của Thẩm phán, Thư ký là chỗ ngồi của bị đơn; phía đối diện Thẩm phán, Thư ký là chỗ ngồi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có);

**3. Trường hợp vụ án có đương sự** là người chưa thành niên, người khuyết tật, người có nhược điểm về thể chất và tinh thần thì bố trí phòng hòa giải phù hợp với đặc điểm về thể chất và tâm lý của họ.

**Bước 4. TRIỆU TẬP THÀNH PHẦN THAM GIA**

**1. Thông báo cho đương sự**, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp theo quy định tại Điều 208 BLTTDS

**2. Gửi giấy mời** cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tham gia phiên họp theo Điều 209 BLTTDS

**B. TỔ CHỨC PHIÊN HỌP, HÒA GIẢI**

**Bước 1. Thủ tục bắt đầu**: Khi kiểm tra sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên họp, Thẩm phán phải lưu ý những vấn đề sau: Trường hợp có người vắng mặt thì phải xem xét thận trọng, xác định có thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 BLTTDS hay không để ra quyết định. Trường hợp đương sự phải có người đại diện theo quy định của pháp luật thì kiểm tra sự có mặt và tư cách tham gia phiên hòa giải của người đại diện; trường hợp có người đại diện theo ủy quyền thì xác định tính hợp pháp của việc ủy quyền (thủ tục và phạm vi ủy quyền).

**Bước 2. Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ**: Trình tự, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

**Bước 3. Tiến hành hòa giải**: Thủ tục tiến hành hòa giải được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 210 BLTTDS. Khi tiến hành hòa giải, Thẩm phán thực hiện các yêu cầu và kỹ năng sau:

***1. Các yêu cầu mà Thẩm phán phải thực hiện bao gồm:***

**Thẩm phán phải giải thích, phổ biến đầy đủ**, khách quan các quy định của pháp luật liên quan đến việc giải quyết vụ án cho đương sự; phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành, hòa giải không thành (án phí, các chi phí tố tụng khác, chi phí thi hành án) để đương sự nhận thức được tính hợp pháp trong từng yêu cầu của họ, biết những lợi ích của hòa giải thành mà không phân tích tính đúng, sai của đương sự, không tiết lộ đường lối xét xử vụ án. Sau khi từng đương sự, người tham gia phiên họp trình bày ý kiến theo quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 4 Điều 210 BLTTDS mà còn có nội dung chưa rõ, chưa đầy đủ thì Thẩm phán yêu cầu họ trình bày bổ sung ngay về nội dung chưa rõ, chưa đầy đủ đó.

**Thẩm phán phân tích nội dung vụ án, quan hệ pháp luật** tranh chấp, yêu cầu cụ thể của đương sự, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, các quy định có liên quan đến nội dung tranh chấp để họ tự đánh giá được phần đúng, phần sai của mình để đi đến thỏa thuận với nhau những vấn đề chưa thống nhất. Sau khi thực hiện quy định tại điểm e khoản 4 Điều 210 BLTTDS mà còn có nội dung chưa rõ thì Thẩm phán tiếp tục yêu cầu đương sự trình bày bổ sung để làm rõ nội dung chưa rõ.

**Nếu vẫn còn có nội dung chưa thống nhất thì Thẩm phán phải:** Nêu đầy đủ, ngắn gọn, rõ ràng nội dung chưa thống nhất cần tiếp tục hòa giải;Đưa ra một số phương án giải quyết tranh chấp để các đương sự lựa chọn;Phân tích lợi ích của việc giữ gìn mối quan hệ, tình cảm giữa các đương sự (tình cảm gia đình, tình cảm vợ chồng, quan hệ láng giềng, quan hệ đối tác kinh doanh,…) nhằm tác động tâm lý tích cực giúp họ nghĩ đến quan hệ, tình cảm mà hòa giải; đồng thời quan sát, nắm bắt kịp thời diễn biến tâm tư của các đương sự, chọn đúng thời điểm tác động đến suy nghĩ, nhận thức của mỗi đương sự;

**Trường hợp đa số các đương sự đã thỏa thuận** được việc giải quyết tranh chấp, chỉ một hoặc một số đương sự không thiện chí thỏa thuận hoặc còn một số điểm chưa thống nhất thì Thẩm phán có thể giải thích, thuyết phục riêng để đạt được sự thống nhất;

**Trường hợp nội dung các đương sự đã thống nhất** có vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì Thẩm phán phải giải thích quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức liên quan để các đương sự thỏa thuận lại.

***2. Các kỹ năng của Thẩm phán:***

Phải giữ vai trò trung gian, vô tư, khách quan, công bằng, không áp đặt khi tiến hành hòa giải. Điều hành việc hòa giải linh hoạt, mềm dẻo (lắng nghe ý kiến của các đương sự, giảm căng thẳng, tránh để các đương sự tổn thương tâm lý, bị xúc phạm,…);

Cử chỉ, tác phong, thái độ thể hiện sự thân thiện; sử dụng ngôn ngữ dễ nghe, dễ hiểu, kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ pháp lý và ngôn ngữ đời thường. Phong cách giao tiếp thư thái, tự tin; sâu sắc nhưng chia sẻ; mềm dẻo, quyết đoán đúng thời điểm; vô tư và thân thiện; tập trung vào mâu thuẫn giữa các đương sự; không tập trung vào quan hệ, đặc điểm tốt, xấu của mỗi đương sự; tập trung vào lợi ích chung, không tập trung vào thái độ, cách cư xử của đương sự; không dùng ngôn ngữ tạo sự kích động cho đương sự;

Sử dụng linh hoạt nhiều loại câu hỏi để tháo gỡ hiệu quả mâu thuẫn, tranh chấp giữa các đương sự như: câu hỏi đánh giá; câu hỏi mở; câu hỏi đóng; câu hỏi gợi ý; câu hỏi yêu cầu; câu hỏi tác động suy nghĩ. Kết hợp việc sử dụng lời nói với các tài liệu, chứng cứ và ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được mời để thuyết phục đương sự.

**Bước 4. Lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản về việc hòa giải và Biên bản hòa giải thành**

1. Việc lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản về việc hòa giải được thực hiện theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều 211 BLTTDS và theo Mẫu số 34-DS, Mẫu số 35-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự.

2. Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về tất cả các vấn đề phải giải quyết trong vụ án thì Tòa án lập Biên bản hòa giải thành theo quy định tại khoản 5 Điều 211 BLTTDS và theo Mẫu số 36-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự.

**C. KẾT THÚC HÒA GIẢI**

Trường hợp hòa giải thành thì Thẩm phán thực hiện việc ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định. Cần lưu ý nội dung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự phải đúng theo nội dung các đương sự đã thỏa thuận được thể hiện trong Biên bản hòa giải thành.

Trường hợp qua hòa giải, nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút (hoặc không có) yêu cầu phản tố, người có quyền lợi. nghĩa vụ liên quan rút (hoặc không có) yêu cầu độc lập thì Thẩm phán căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Trường hợp các bên đương sự chưa thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng Thẩm phán nhận thấy các đương sự có thiện chí hoặc còn có khả năng tiếp tục hòa giải thì kiên trì tổ chức các phiên họp tiếp theo. Trường hợp Thẩm phán nhận thấy không còn khả năng, cơ hội hòa giải thành thì tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn quy định tại Chương XVIII của Bộ luật Tố tụng dân sự thì sau khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 3 Điều 320 BLTTDS.

**IV. KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU MỘT SỐ LOẠI ÁN TRƯỚC KHI HÒA GIẢI**

**1. Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

[Tranh chấp quyền sử dụng đất đai](https://hocluat.vn/wiki/tranh-chap-dat-dai/) và tài sản gắn liền với đất là một trong loại tranh chấp phức tạp. Đối với loại tranh chấp này khi nghiên cứu phải kiểm tra xem đất đang có tranh chấp có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 [Luật Đất đai](https://hocluat.vn/luat-dat-dai/) hay không?

***Các giấy tờ về đất đai*** kèm theo các tài liệu hồ sơ quản lý đất và tài sản trên đất (nếu có) để xem xét, đánh giá, đất thuộc quyền sử dụng của ai. Nếu do khai phá thì ai khai phá thời gian nào; nếu được thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng thì ai để thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng; căn cứ chứng minh nội dung này? Khi đánh giá phải ý đến chứng cứ về nguồn gốc đất.

***Về quá trình sử dụng đất***: Thực tế đất tranh chấp là do ai trực tiếp sử dụng; thời gian, mục đích sử dụng đất; Nếu không sử dụng thì lý do vì sao; trên đất có tài sản gì và tài sản đó do ai tạo dựng, quản lý? Nếu ai đã sử dụng đất đang tranh chấp từ lâu thì phải làm rõ: Họ sử dụng trong hoàn cảnh nào, đất đó có đưa vào tập đoàn, hợp tác xã không và khi giải thể thì đất được giao cho ai quản lý, sử dụng? Các tài liệu, chứng cứ phản ánh về vấn đề này? Cần phải đánh giá kỹ về việc xác định người sử dụng đó sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ khi nào, phát sinh tranh chấp từ khi nào, nguyên nhân phát sinh tranh chấp ...

***Về tình trạng tài sản tranh chấp***: Việc xác định vị trí, kích thước, hình dạng thửa đất tranh chấp qua kết quả đo đạc, kết luận giám định. Điều này càng phải đặc biệt chú ý khi đánh giá nếu diện tích đất bị đơn đang quản lý, sử dụng lớn hơn rất nhiều so với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận, so với diện tích chuyển nhượng… và so với diện tích nguyên đơn kiện đòi. Nếu đất tranh chấp có liên quan đến các hợp đồng chuyển nhượng trước đây thì phải đánh giá cả các hợp đồng, thể hiện tứ cận, diện tích… nhằm giải quyết đúng đối tượng tranh chấp, xác định đúng ai có quyền sử dụng đất hợp pháp. Ngoài ra, đánh giá về tài sản được tạo lập trên đất các bên có ý kiến gì không?

***Đánh giá trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ***: Đất tranh chấp do ai kê khai, đăng ký hay cả hai bên đều kê khai? Nếu chỉ có một bên kê khai thì phải làm rõ lý do tại sao bên kia không kê khai? Ý kiến của người đã đứng tên kê khai đăng ký. Ý kiến của UBND về việc cấp GCNQSDĐ đó ra sao? Đánh giá việc cấp GCNQSDĐ có đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định pháp luật không?

**2. Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất**

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ án này đặc biệt quan tâm nghiên cứu các tài liệu liên quan đến đất tranh chấp và yêu cầu của các bên.

***Nếu các bên tranh chấp về tính có hiệu lực của hợp đồng*** (một bên yêu cầu hủy hợp đồng, một bên yêu cầu công nhận hợp đồng) phải nghiên cứu kỹ hình thức hợp đồng, các điều khoản, các nội dung [thỏa thuận](https://hocluat.vn/wiki/thoa-thuan/) trong hợp đồng? để xem hợp đồng có [vô hiệu](https://hocluat.vn/wiki/vo-hieu/) về hình thức hay có vô hiệu về nội dung không? Nếu vô hiệu về nội dung, thì vô hiệu một phần hay toàn bộ hợp đồng.

***Nghiên cứu, kiểm tra về nội dung, về quan hệ pháp luật*** là nghiên cứu tài liệu xác định bên chuyển nhượng có quản lý, sử dụng đất không? Nếu người đứng ra chuyển nhượng không phải là người có quyền quản lý, sử dụng thì bên đứng ra chuyển nhượng có được ủy quyền hợp pháp không? Nội dung, phạm vi ủy quyền, thời điểm xác lập hợp đồng, thỏa thuận đó có [tự nguyện](https://hocluat.vn/wiki/tu-nguyen/) không? Nội dung thỏa thuận trong hợp đồng có giả cách, giả tạo không? Quyền và nghĩa vụ các bên? Đối tượng chuyển nhượng đã được xác định rõ ràng trong hợp đồng chưa? Hợp đồng chuyển nhượng có thỏa thuận về điều kiện, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng không? Có thuộc loại hợp đồng có điều kiện và điều kiện đó đã diễn ra chưa?

***Phải nghiên cứu kỹ các điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận*** trong hợp đồng, tìm hiểu kỹ quyền, nghĩa vụ của mỗi bên. Các bên thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng như thế nào? có ai vi phạm, mức độ vi phạm, [lỗi](https://hocluat.vn/wiki/loi/)? mức độ lỗi của mỗi bên? Bên nhận chuyển nhượng có xây dựng, tu sửa gì không? Giá trị phần tu sửa, giá trị tài sản trên đất còn lại? có thiệt hại gì phát sinh nếu [hợp đồng vô hiệu](https://hocluat.vn/wiki/hop-dong-vo-hieu/)? và phải giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo hướng nào?

***Nếu có việc sau khi chuyển nhượngn bên nhận chuyển nhượng*** đã chuyển nhượng một phần cho người khác thì phải nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc chuyển nhượng này, phải nghiên cứu yêu cầu của bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng tiếp theo này để việc giải quyết vụ án được toàn diện.

**3. Tranh chấp về** [**thừa kế**](https://hocluat.vn/wiki/thua-ke/) **tài sản**

***Nghiên cứu hồ sơ vụ án thừa kế cần kiểm tra, xem xét kỹ*** các tài liệu thể hiện [thời điểm mở thừa kế](https://hocluat.vn/wiki/thoi-diem-mo-thua-ke/) (ngày, tháng, năm người để lại [di sản](https://hocluat.vn/wiki/di-san/) chết).

***Di sản thừa kế gồm tài sản gì***? Ai đang quản lý, sử dụng? thực trạng của từng loại tài sản? nghĩa vụ của người để lại di sản? công sức duy trì, bảo quản di sản? nếu một bên có sửa chữa, cơi nới thì giá trị phần sửa chữa, cơi nới, làm thêm là bao nhiêu? Nếu có việc bên quản lý, sử dụng di sản đã bán một phần di sản mà các thừa kế vẫn yêu cầu hủy hợp đồng, yêu cầu chia phần di sản đã bán này thì phải nghiên cứu các tài liệu thể hiện việc mua bán, đối tượng mua bán, giá trị phần đã bán.v.v… yêu cầu của những người tham gia trong quan hệ mua bán đó. Sau khi mua bán có các diễn biến gì khác không, ví dụ bên mua đã xây nhà…

***Nếu xuất hiện tình huống người quản lý di sản*** khai hoang, mua thêm diện tích nhà đất, trừ diện tích đất phần trăm trong phần đất thừa kế… thì phải nghiên cứu để biết rõ diện tích khai hoang, mua thêm hoặc diện tích đất thừa kế được tính vào đất phần trăm là bao nhiêu? Các tài liệu, chứng cứ gì thể hiện vấn đề này.

***Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án thừa kế phải biết được những ai trong diện***[***thừa kế theo pháp luật***](https://hocluat.vn/wiki/thua-ke-theo-phap-luat/), có ai bị truất [quyền thừa kế](https://hocluat.vn/wiki/quyen-thua-ke/), từ chối hưởng thừa kế, [thừa kế thế vị](https://hocluat.vn/wiki/thua-ke-the-vi/).v.v… Yêu cầu của các thừa kế? ai yêu cầu hưởng bằng hiện vật, ai yêu cầu hưởng giá trị và yêu cầu cụ thể bao nhiêu? Hoàn cảnh mỗi bên thế nào? hiện vật đó có chia được không? Chia được cho những ai? Ai có yêu cầu cấp bách, cần phải chú ý khi chia hiện vật cho họ. Các sơ đồ, tài liệu đã đầy đủ thông tin để có thể dự kiến phương án chia hiện vật không? Hay cần phải xuống xem xét tại chỗ.

***Nghiên cứu các biên bản định giá, thẩm định giá để nắm vững số lượng, giá trị di sản***. Đối với di sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp, trồng cây lâu năm thì khi nghiên cứu khối tài sản đó phải trả lời được câu hỏi quyền sử dụng đất đó có còn là di sản hay do diễn biến trong quá trình [người thừa kế](https://hocluat.vn/wiki/nguoi-thua-ke/) quản lý, sử dụng và quy định của pháp luật thì phần tài sản đó của người chết không còn là di sản.

***Nếu vụ án tranh chấp di sản thừa kế theo***[***di chúc***](https://hocluat.vn/wiki/di-chuc/), khi nghiên cứu làm rõ các đồng thừa kế có thừa nhận di chúc không? Nếu có thừa kế không công nhận di chúc thì phải tìm hiểu kỹ nội dung, hình thức di chúc có đúng quy định pháp luật ở thời điểm lập di chúc hay không để từ đó xác định tính hợp pháp của di chúc? Hợp pháp một phần hay toàn bộ? có người thừa kế bắt buộc không? Di chúc có để cho người thừa kế bắt buộc phần di sản nào không và nếu có để lại cho họ một phần di sản thì đã phù hợp với quy định của [Bộ luật dân sự](https://hocluat.vn/wiki/bo-luat-dan-su/) chưa?

**4. Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn**

***Nghiên cứu hồ sơ vụ án này cần kiểm tra, xem xét kỹ các tài liệu thể hiện****:* Thời điểm chung sống, việc chung sống đó có đăng ký kết hôn không; thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân, biểu hiện của mâu thuẫn, biện pháp hàn gắn mâu thuẫn của cả hai bên như thế nào?

***Đối với trường hợp bị đơn không đồng ý ly hôn, không đồng ý về nuôi con, về cấp dưỡng***: Cần nghiên cứu tài liệu thể hiện sau khi phát sinh mâu thuẫn, bị đơn đã đã hàn gắn tình cảm như thế nào? Việc chăm sóc và trách nhiệm nuôi con, mức cấp duỗng nuôi con được thể hiện qua công việc, thu nhập, điều kiện về chỗ ở, điều kiện chăm sóc giáo dục con của người đó.

***Về tài sản***: Nguyên tắc: Tài sản hình thành trong hôn nhân là tài sản chung trừ có thỏa thuận khác. Bên nào cho là tài sản riêng thì bên đó có nghĩa vụ phải chứng minh, nếu không chứng minh được thì đó là tài sản chung

***Nghiên cứu hồ sơ làm rõ loại tài sản có tranh chấp*** (động sản hay bất động sản): Nguồn gốc tài sản, thời điểm tạo lập tài sản, công việc, công sức của hai bên trong việc tạo lập tài sản đó; quá trình quản lý sử dụng của các bên; nhu cầu của các bên sau khi ly hôn để cân nhắc việc chia tài sản cho phù hợp.

**V. KỸ NĂNG HÒA GIẢI MỘT SỐ TRANH CHẤP**

**1. Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất**

***1.1. Lựa chọn thời điểm hòa giải***

Vụ việc thường có nhiều đương sự, nhiều quan hệ pháp luật cần giải quyết. Do vậy, người tiến hành hòa giải không nên nóng vội hòa giải ngay khi tranh chấp giữa các đương sự mới xảy ra, tâm lý các bên còn căng thẳng, nặng nề khó đi đến thỏa thuận. Trước khi chọn thời điểm hòa giải, người tiến hành hòa giải phải thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ đặc biệt nên thực hiện thời điểm hòa giải sau khi có kết quả đo đạc đất, kết quả giám định bản đồ, giám định tuổi cây .... đồng thời, vừa tiếp xúc để hiểu rõ tâm lý của từng người đối với tài sản tranh chấp để có hướng tác động khi thỏa thuận.

***1.2. Phương pháp tiến hành hòa giải***

Giải thích quyền và nghĩa vụ cho các bên khi tham gia hòa giải, hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành; các lợi ích của việc hòa giải thành. Phân tích các điều kiện thuận lợi, bất lợi của các bên trong vấn đề tranh chấp; cần tách các bên tranh chấp để làm công tác tư tưởng (sử dụng phòng kín). Phối hợp với cơ quan chuyên môn về nội dung tranh chấp, trường hợp hòa giải thành hỗ trợ các bên làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với tranh chấp này, người tiến hành hòa giải phải kiên trì, phân tích, đánh giá và đưa ra càng nhiều phương án hòa giải càng tốt để các bên lựa chọn.

***1.3. Biên bản hòa giải***

Phải ghi đầy đủ từng nội dung; các nội dung đã thỏa thuận được phải ghi rõ: Thửa đất, tờ bản đồ, kích thước, tứ cận, diện tích, tài sản trên đất và sơ họa kèm theo; các nội dung chưa thỏa thuận được, các nội dung cần phải làm rõ thêm, để tiếp tục có hướng giải quyết tiếp theo.

Trường hợp hòa giải thành: Phải ghi cụ thể số thửa đất, tờ bản đồ, tứ cận, diện tích, tài sản trên đất và sơ họa kèm theo để khi ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự việc thi hành án được thuận lợi.

**2. Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất**

***2.1. Lựa chọn thời điểm hòa giải***

Trước khi chọn thời điểm hòa giải, phải thu thập gần đủ tài liệu, chứng cứ vừa phải các định được các vi phạm hợp đồng của các bên khi giao kết hợp đồng để từ đó có phương án hòa giải thích hợp nhất.

***2.2. Phương pháp tiến hành hòa giải***

Người tiến hành hòa giải phải phân tích các các bên hiểu những vấn đề liên quan đến trách nhiệm dân sự phát sinh do không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ các bên cam kết trong hợp đồng; bám sát vào những điều trong hợp đồng các bên cam kết và những quy định tương ứng của pháp luật để phân tích và thuyết phục họ tiếp tục thực hiện đúng những điều họ đã tự nguyện cam kết; tháo gỡ các khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng. Phân tích hậu quả pháp lý của việc hủy hợp đồng.

***2.3. Biên bản hòa giải***

Phải ghi đầy đủ yêu cầu, các nội dung nào đã thỏa thuận được, các nội dung chưa thỏa thuận được, các nội dung cần phải làm rõ thêm, để tiếp tục có hướng giải quyết tiếp theo.

Trường hợp hòa giải thành phải ghi rõ cụ thể từng loại yêu cầu, thỏa thuận bồi thường của từng loại yêu cầu; thời hạn bội thường, nghĩa vụ chậm trả... để tránh nhầm lẫn hay bỏ sót khi ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

**3. Tranh chấp về** [**thừa kế**](https://hocluat.vn/wiki/thua-ke/) **tài sản**

***3.1. Lựa chọn thời điểm hòa giải***

Khi tranh chấp thừa kế trong nội bộ gia đình không thể giải quyết được mà cần đến cơ quan pháp luật giải quyết, nghĩa là nội bộ gia đình đã rất căng thẳng. Do vậy, người tiến hành hòa giải không nên nóng vội hòa giải ngay khi tranh chấp giữa các đương sự mới xảy ra, tâm lý các bên còn căng thẳng, nặng nề khó đi đến thỏa thuận. Trước khi chọn thời điểm hòa giải, người tiến hành hòa giải vừa thu thập tài liệu, chứng cứ vừa tiếp xúc để hiểu rõ tâm lý của từng người đối với khối di sản thừa kế. Sau đó tác động đến từng đối tượng có ảnh hưởng nhất trong vụ án, giảm tâm lý cho các thành viên trong gia đình.

***3.2. Phương pháp tiến hành hòa giải***

Người tiến hành hoà giải dựa trên mối quan hệ huyết thống giữa các đương sự để khơi gợi tình cảm tốt đẹp của truyền thống gia đình, giúp họ bình tĩnh cùng nhau ngồi lại bàn bạc thỏa thuận chia di sản thừa kế. Người tiến hành hoà giải cũng phân tích cho các đương sự thấy được những điều kiện về kinh tế và hoàn cảnh sống của từng thừa kế để họ có thể nhường nhịn, nhân nhượng với nhau trong việc thỏa thuận chia di sản thừa kế. Trường hợp, di sản thừa kế là nhà và đất ở được khởi kiện ra Toà án, Thẩm phán cần tiến hành thu thập đầy đủ về sơ đồ, diện tích, vị trí của nhà và đất; phân tích cho các đương sự thấy rõ nhu cầu thực tế sử dụng của các thừa kế, giúp cho họ có hướng thỏa thuận vị trí sử dụng thích hợp, tránh xáo trộn ảnh hưởng đến cuộc sống của các thừa kế.

Trong vụ án có nhiều quan hệ pháp luật đan xen như hợp đồng tặng cho, mua bán, trao đổi, thế chấp v.v… Vì vậy, khi tiến hành hòa giải phải tiến hành hòa giải từng quan hệ tranh chấp riêng biệt, sau đó mới hướng các bên tranh chấp thỏa thuận đến vấn đề chung.

***3.3. Biên bản hòa giải***

Phải ghi đầy đủ từng nội dung, các nội dung đã thỏa thuận được, các nội dung chưa thỏa thuận được, các nội dung cần phải làm rõ thêm, để tiếp tục có hướng giải quyết tiếp theo.

Trường hợp hòa giải thành phải ghi cụ thể từng loại tài sản chia cho từng kỷ phần thừa kế. Đối với việc phân chia nhà và đất ở cần phải ghi đầy đủ số đo, sơ đồ, vị trí cụ thể để tránh nhầm lẫn hay bỏ sót khi ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

**4. Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn**

***4.1. Lựa chọn thời điểm hòa giải***

Nên thực hiện việc hòa giải về tình cảm trước giữa hai bên ngay sau khi có Bản khai hoặc ý kiến của hai bên. Sau đó mới tổ chức hòa giải các vấn đề khác liên quan đến việc ly hôn. Bởi khi hòa giải vụ án ly hôn chủ yếu là giúp các bên hàn gắn tình cảm, nếu không hàn gắn được thì cũng thống nhất với nhau việc ly hôn một cách tự nguyện và thoải mái nhất.

***4.2. Phương pháp hòa giải***

Người thực hiện hoà giải giải quyết các vụ án này cần nắm chắc về Luật Hôn nhân và Gia đình, hiểu biết xã hội, tâm sinh lý lứa tuổi. Cần tìm hiểu nguyện vọng của mỗi bên về các vấn đề cần giải quyết để có phương hướng hòa giải thích hợp đối với từng trường hợp ly hôn cụ thể. Giải thích rõ về hậu quả của việc ly hôn tác động đến gia đình, đặc biệt là tương lai của các con. Tuy nhiên, đây là tranh chấp đặc biệt, nhạy cảm, người tiến hành hòa giải không nhất thiết phải cố gắng để họ quay về đoàn tụ hay để họ thuận tình ly hôn mà để họ có thời gian thích hợp suy nghĩ trước khi quyết định đoàn tụ hay ly hôn.

Trường hợp người tiến hành hòa giải xác định được việc xin ly hôn chỉ vì tự ái nhất thời hoặc do nóng nảy sau khi có va chậm thì cần chủ động gặp riêng từng người, phân tích, động viên, giúp cả hai bên nhận thấy đúng, sai của mình, giúp họ hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trường hợp, các bên thỏa thuận ly hôn, người tiến hành hòa giải cần tiến hành cho các bên thỏa thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con, phân chia tài sản. Việc hòa giải về nuôi dưỡng con phải cân nhắc đến yếu tố tâm sinh lý, sự phát triển toàn diện của trẻ và điều kiện, khả năng nuôi dưỡng của vợ, chồng.

***4.3. Biên bản hòa giải***

Phải ghi đầy đủ yêu cầu, các nội dung nào đã thỏa thuận được, các nội dung chưa thỏa thuận được, các nội dung cần phải làm rõ thêm, để tiếp tục có hướng giải quyết tiếp theo.

Trường hợp hòa giải thành (đoàn tụ hoặc nhất trí thuận tình ly hôn): Ghi rõ cụ thể từng quan hệ trong vụ án, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản, về nợ. Đối với con chung phải ghi rõ ngày tháng năm sinh (khi con chưa đủ 18 tuổi), trách nhiệm nuôi dưỡng con, trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, thời gian cấp dưỡng, quyền thăm nom con chung. Đối với tài sản phải ghi rõ quyền sở hữu cụ thể từng loại tài sản mà mỗi người được phân chia; nếu tài sản là nhà, đất cần phải ghi đầy đủ kích thước, sơ đồ, vị trí cụ thể. Đối với nợ phải xác định rõ trách nhiệm trả nợ, thời hạn trả, nghĩa vụ chậm trả ....để tránh nhầm lẫn hay bỏ sót khi ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

**KẾT LUẬN**

Hòa giải là hành vi thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ổn thỏa. Hòa giải cũng là giải quyết các tranh chấp, bất đồng giữa hai hay nhiều bên tranh chấp bằng việc các bên dàn xếp, thương lượng với nhau có sự tham gia của bên thứ ba (không phải là bên tranh chấp). Hòa giải còn được hiểu ở góc độ rộng hơn là một quá trình, trong đó bên thứ ba giúp hai bên tranh chấp ngồi lại với nhau để cùng giải quyết vấn đề của họ. Hòa giải cũng được coi là sự tiếp nối của quá trình thương lượng, trong đó các bên cố gắng làm điều hoà những ý kiến bất đồng.

Là Thẩm phán đang thực hiện các hoạt động hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, trong giới hạn của thời lượng chương trình nên tôi đã cố gắng trao đổi một số kiến thức về hòa giải theo tố tụng dân sự chung nhất cũng như các vụ việc thực tế đã diễn ra tại Tòa án hai cấp tỉnh Lạng Sơn. Rất mong được sự góp ý trao đổi của các đồng chí./.